

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỈNH ĐẮK LẮK**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **178/2020/HS-PT**

Ngày: 31 - 7 - 2020.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Dân.

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Nhung và bà Lê Thị Thanh Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 156/2020/HSPT ngày 22/6/2020 đối với bị cáo An Thị T về tội “*Chứa mại dâm*” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2020/HS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

- Họ và tên: **An Thị T**- Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1962; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Tại: Đắk Lắk; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn X, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn Y, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Quản lý nhà nghỉ; Con ông: An Văn P (đã chết); Con bà: Vũ Thị T (đã chết); Bị cáo có chồng là Thái Ngọc T (đã chết), bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm: 1985, con nhỏ nhất sinh năm: 1992;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 12 năm 2019 đến ngày 29 tháng 12 năm 2019. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Viết C, ông Trương Văn H1, ông Y H Mlô, bà Phạm Thị Y, bà Bùi Thị Phương T, bà Dương Thị Mỹ L, anh Bùi Khải H2, ông Nguyễn Hữu T đều không có kháng cáo, kháng nghị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà nghỉ Hồng T có địa chỉ tại thôn Y, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do bà Nguyễn Thị Xuân H (sinh năm: 1954) đăng ký kinh doanh. Vào tháng 6 năm 2019, An Thị T thuê lại nhà nghỉ Hồng T của bà H để quản lý kinh doanh với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) một tháng, thỏa thuận bằng hợp đồng viết tay. Trong quá trình quản lý nhà nghỉ Hồng T, T có nhận gọi gái bán dâm đến nhà nghỉ khi khách có yêu cầu. Vào khoảng 15<sup>h</sup>00' ngày 20 tháng 12 năm 2019, Đỗ Viết C (sinh năm: 1975), Y H Mlô (sinh năm: 1964) và Trương Văn H (sinh năm: 1954) đi đến nhà nghỉ Hồng T thì gặp T và hỏi “Có gái không, gọi cho mấy em?”, thì T trả lời “Đợi một tí”. T dùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh, số imei: 356273082329221, gắn sim số 0979307752 lần lượt gọi cho các gái bán dâm Phạm Thị Y (sinh năm: 1969), Bùi Thị Phương T (sinh năm: 1993) và Dương Thị Mỹ L (sinh năm: 1971), nói đến nhà nghỉ Hồng T bán dâm cho khách, thì tất cả đồng ý. T thỏa thuận cùng với C, H1 và H2 giá bán dâm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) một người một lượt, tiền phòng là 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng), tổng cộng là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), thì cả ba đồng ý. C đưa cho T 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng), H1 đưa cho T 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng), H2 đưa cho T 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), tổng cộng là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng), trong đó 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền mua dâm, T chưa đưa cho gái bán dâm, số tiền 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) còn lại T hưởng lợi, sau đó T sử dụng 60.000 đồng (sáu mươi ngàn đồng) trong số tiền mình được hưởng lợi để đi mua nước uống tại tiệm tạp hóa đối diện nhà nghỉ Hồng T của bà Lê Thị Mỹ L. Sau đó, T, L, Y lần lượt đi đến nhà nghỉ Hồng T để mua bán dâm cùng C, H1, H2. T đưa cho T, H1, H2 mỗi người 01 bao cao su phục vụ việc mua bán dâm. Quá trình mua bán dâm, thì C có cho riêng T thêm 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng). Đến khoảng 16<sup>h</sup>00' ngày 20 tháng 12 năm 2019 khi C và T đang quan hệ tình dục tại phòng số 02, L và H1 đang quan hệ tình dục tại phòng số 03, Y và H2 đang quan hệ tình dục tại phòng số 04, thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Tạm giữ tại phòng số 02 và 03 mỗi phòng 01 bao cao su và một vỏ bao cao su đã qua sử dụng, tạm giữ tại phòng số 04, 01 bao cao su chưa qua sử dụng. Tạm giữ của T số tiền 740.000 đồng (bảy trăm bốn mươi ngàn đồng) là tiền khách mua dâm trả, số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng) là tiền cá nhân của T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh, số imei: 356273082329221; Tạm giữ của Phạm Thị Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 356451060142242 và 01 xe Mô tô nhãn hiệu Honda SuperDream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 47B1 – 679.58; Tạm giữ của Dương Thị Mỹ L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh, số imei 355121081628880 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu trắng, số imei 013069009892514; Tạm giữ của Bùi Thị Phương T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh, số imei 869602035164550 và 01 xe Mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 47B2-268.22.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2020/HS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố bị cáo **An Thị T** phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Xử phạt bị cáo **An Thị T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ trước từ ngày 20/12/2019 đến ngày 29/12/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5/2020, bị cáo An Thị T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn bị cáo là trụ cột trong gia đình, bị bệnh tật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo An Thị T về tội: “*Chứa mại dâm*” theo khoản 1 Điều 327 BLHS là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo 02 năm 06 tháng tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo bị bệnh mờ mắt. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo An Thị T, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình bị cáo quá khó khăn, bị cáo lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt và hiện nay bị cáo cũng đang bị bệnh mờ mắt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo An Thị T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 15<sup>h</sup>00’ ngày 20 tháng 12 năm 2019 có 03 người đàn ông đến Nhà nghỉ Hồng T tại thôn Y, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do bị cáo An Thị T quản lý và yêu cầu bị cáo An Thị T gọi cho 03 cô gái, bị cáo An Thị T biết khách gọi gái là để nhằm mục đích mua bán dâm. Bị

cáo An Thị T đã dùng điện thoại của mình để liên hệ với Phạm Thị Y, Bùi Thị Phương T và Dương Thị Mỹ L thì cả 03 đồng ý đến bán dâm cho khách. Khi cả ba người đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị bắt. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo An Thị T về tội: “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo bị bệnh mờ mắt. Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm không cần thiết buộc bị cáo phải tập trung cải tạo mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo An Thị T - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 107/2020/HS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS.

- Xử phạt bị cáo An Thị T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*” nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo An Thị T cho UBND xã ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo An Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND xã ET;
- Những người TGT; Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

( Đã ký)

**Văn Công Dân**